

Số: 46/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Trị, ngày 07 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 92/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1983;

Số căn cước công dân: 075183019678; cấp ngày: 28/3/2023;

Địa chỉ: Khu phố B, tổ I, phường B, tỉnh Đồng Nai;

Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T1, sinh năm 1980;

Số căn cước công dân: 044080010072; ngày cấp: 06/9/2021;

Địa chỉ thường trú: Thôn V, xã T, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2026,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Anh T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Anh T1 thống nhất vợ chồng không có con chung

b) Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Anh T1 thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

c) Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Anh T1 mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn; chị T thỏa thuận chịu án phí ly hôn sơ thẩm thay anh T1. Số tiền án phí chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001663 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị T được nhận lại 150.000 đồng án phí đã nộp.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND KV4- Quảng Trị;
- UBND xã Trường Phú, Quảng Trị;
- Phòng THADS Kv4 - Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Hoàng Thị Thủy**